

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 165/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn L – Giám đốc Phòng G- Ngân hàng N - Chi nhánh A (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 2665/QĐ-NHN_o -PC ngày 01/12/2022; Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 89/NHN_o.AKĐGL-QĐ ngày 10/6/2026).

- Bị đơn:

+ Ông Lê Phước H, sinh năm 1985; Căn cước công dân số 052085003212 cấp ngày 17/6/2022; nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai.

+ Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1985; Căn cước công dân số 045185001767, cấp ngày 27/5/2023; nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trách nhiệm nợ: Ông Lê Phước H và bà Hoàng Thị Q phải liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền còn nợ cụ thể như sau:

- Từ ngày 10/6/2026 đến hết ngày 02/9/2026 ông Lê Phước H và bà Hoàng Thị Q phải liên đới trả Ngân hàng N số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5015-LAV-2023.00889 ngày 04/8/2023 giữa bên cho vay là Ngân hàng N – Chi nhánh Huyện A và bên vay là bà Hoàng Thị Q, ông Lê Phước H và Báo cáo đề

xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 5015-LDS-2024.01741 ngày 13/9/2024 là 332.359.442 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 10/6/2026 là 32.359.442 đồng.

- Từ ngày 10/6/2026 đến hết ngày 02/9/2026 ông Lê Phước H và bà Hoàng Thị Q phải liên đới trả Ngân hàng N số tiền còn nợ theo Hợp đồng thấu chi số 5015-LAV-202400844 ngày 13/9/2024 giữa bên cho vay Ngân hàng N – Chi nhánh Huyện A và bên vay bà Hoàng Thị Q, ông Lê Phước H là 5.740.300 đồng (năm triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, ba trăm đồng), trong đó nợ gốc là 5.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 10/6/2026 là 740.300 đồng.

Kể từ ngày 11/6/2026 cho đến khi thi hành án xong ông Lê Phước H và bà Hoàng Thị Q còn phải liên đới chịu tiền lãi phát sinh của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5015-LAV-2023.00889 ngày 04/8/2023 và Hợp đồng thấu chi số 5015-LAV-202400844 ngày 13/9/2024 nêu trên.

Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng mà anh H, chị Q phải thanh toán cho Ngân hàng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.2 Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Lê Phước H và bà Hoàng Thị Q không thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản ông H, bà Q đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0606-23/HĐTC ngày 03/8/2023 là:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 773, tờ bản đồ số 25 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, nay là Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai, đất đã được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 728495 ngày 02/6/2023 cho ông Lê Phước H.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán khoản nợ của ông Lê Phước H và bà Hoàng Thị Q tại Ngân hàng N. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Lê Phước H và bà Hoàng Thị Q vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng N.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.100.000 đồng. Ông Lê Phước H và bà Hoàng Thị Q phải liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên ông H, bà Q phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.100.000 đồng (một triệu, một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.4 Về án phí: Ông Lê Phước H và bà Hoàng Thị Q phải liên đới nộp 8.452.494 đồng (tám triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm chín mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.191.862đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006933 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS dân sự khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Bích Thảo